TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST
Ngày 06 - 02 - 2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Thái Thị Phi Yến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phi Hùng
Bà Võ Thị Yến Lan

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Phạm Thị Tuyết Mai, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Trong ngày 06 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 66/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2022 về việc *"ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đinh Hoàng D, sinh năm 1993; Địa chỉ: 59 đường P, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng;

- *Bị đơn:* Ông Hoàng Anh T, sinh năm 1979; Địa chỉ: M.6, 08412 W, Cộng hòa Liên bang Đức;

(Bà D và ông T đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 15/11/2022 và Bản tự khai ngày 22/11/2022, nguyên đơn bà Đinh Hoàng D trình bày:

Vào năm 2011, bà và ông Hoàng Anh T có quen nhau, tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc mặc dù vẫn có những mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống nhưng vợ chồng vẫn tin tưởng và bỏ qua cho nhau, nhưng

đến giữa năm 2021 thì mâu thuẫn lên đỉnh điểm, có sự nghi ngờ đố kỵ, cãi vã và cả hai bên không có sự tôn trọng nhau. Nay vợ chồng không còn yêu thương nhau và không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông T.

Trong thời kỳ hôn nhân giữa bà và ông T không có con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã gởi các văn bản tố tụng cho ông Hoàng Anh T. Đến ngày 30/12/2022, Tòa án nhận được Bản tự khai ngày 19/12/2022 và Đơn đề nghị giải quyết sớm và xét xử ly hôn vắng mặt ngày 19/12/2022 của ông Hoàng Anh T đã được Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hòa Liên bang Đức chứng thực chữ ký ngày 19/12/2022 với nội dung như sau:

Vào năm 2011 ông và bà Đinh Hoàng D có quen biết, tìm hiểu nhau qua sự giới thiệu của người trong gia đình. Sau thời gian tìm hiểu, ông và bà D quyết định kết hôn và gia đình đã tổ chức lễ cưới tại Việt Nam, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng vào ngày 10/6/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc mặc dù đôi lúc có cãi vã, tranh chấp nhưng cả hai bỏ qua, nhưng đến năm 2021 thì mâu thuẫn trở nên căng thẳng. Sau thời gian xa cách, mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã hết nên bà D đưa ra quyết định ly hôn, ông đồng ý.

Vợ chồng ông không có con chung, không có tài sản chung hay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay do điều kiện công tác, dịch bệnh, việc đi lại khó khăn nên ông đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông và mở phiên tòa sớm hơn thông báo thụ lý vụ án để ông và bà D sớm được ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn bà Đinh Hoàng D đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa, tuy nhiên ngày 06/12/2022, bà D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt bà nên căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt bà D. Đối với bị đơn ông Hoàng Anh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng qua đường dịch vụ bưu chính. Theo đó, ngày 30/12/2022, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã nhận được Đơn thuận tình ly hôn được hợp pháp hóa lãnh sự ngày 19/12/2022. Đồng thời, ông T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông. Do đó, căn cứ điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt ông T.

Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đinh Hoàng D và ông Hoàng Anh T tự nguyện kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng vào ngày 10/6/2013, do đó quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông T được pháp luật công nhận là hợp pháp.

[3] Sau khi kết hôn, bà D và ông T chung sống hạnh phúc và đến năm 2021 phát sinh mâu thuẫn. Bà D và ông T đều xác định giữa vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm, thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã nhau, hôn nhân không đem lại hạnh phúc. HĐXX xét thấy, thực tế giữa bà D và ông T không còn chung sống với nhau đã nhiều năm, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó bà D yêu cầu được ly hôn ông T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Mặt khác, ông T có ý kiến đồng ý ly hôn với bà D, vì vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà D đối với ông T.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà D và ông T đều xác định không có nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm*:* Bà D phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 127 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 273, điểm a khoản 5 Điều 477, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà Đinh Hoàng D đối với ông Hoàng Anh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đinh Hoàng D được ly hôn ông Hoàng Anh T.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đinh Hoàng D phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0005125 ngày 21/11/2022 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng, bà D đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Đinh Hoàng D vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Ông Hoàng Anh T

vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND TP Đà Nẵng;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- Cục THADS TP Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Thị Phi Yến